

TRANG BỊ KIẾN THỨC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN - TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

ThS. Phạm Tiến Toàn*

1. Kiến thức thông tin

Thuật ngữ “kiến thức thông tin” lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1974 bởi Zurkowski để mô tả những kỹ thuật và kỹ năng nhằm tối ưu hóa một loạt các công cụ thông tin cũng như các nguồn tài nguyên thông tin cơ bản, từ đó đưa ra các giải pháp thông tin để giải quyết vấn đề (Zurkowski, 1974). Kiến thức thông tin có thể được nhìn nhận dưới rất nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết các quan điểm trên đều nêu bật lên nội hàm: kiến thức thông tin là việc sử dụng thông tin hợp lý và hiệu quả. Tiêu biểu cho nhận định này, cần phải kể đến kết luận của Bruce (2003) về kiến thức thông tin: kiến thức thông tin là khả năng truy cập, đánh giá, tổ chức và sử dụng thông tin để học tập, giải quyết vấn đề, và ra quyết định một cách chính thống hoặc không chính thống, trong nhiều bối cảnh khác nhau như nơi làm việc, ở nhà hoặc trong môi trường giáo dục.

* Giảng viên Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

2. Vai trò của kiến thức thông tin đối với việc học tập nghiên cứu của sinh viên

Với nhận định như trên, có thể thấy rằng, kiến thức thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong nhiều mặt của cuộc sống. Với công việc học tập và nghiên cứu của sinh viên, một lần nữa vai trò của kiến thức thông tin lại được khẳng định và có thể nói rằng nó quyết định đến thành quả học tập cũng như nghiên cứu của mỗi sinh viên (Andretta, 2008). Môi trường học tập bậc đại học yêu cầu sinh viên cần phải chủ động và độc lập trong việc học tập và nghiên cứu với sự giảng dạy, hỗ trợ và định hướng của giảng viên. Để quá trình học này đem lại kết quả tích cực, một trong những kiến thức quan trọng nhất mà sinh viên cần được trang bị ngay khi bước vào môi trường đại học là kiến thức thông tin. Đây thực chất là các kỹ năng và hiểu biết của sinh viên trong việc sử dụng, tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng thông tin sao cho đạt được kết quả tốt nhất có thể trong việc học tập và nghiên cứu tại trường cũng như sau khi tốt nghiệp. Trách nhiệm trang bị những kiến thức và kỹ năng này trước đến nay vẫn thường được hiểu thuộc về các giảng viên chứ không phải thư viện trường. Tuy nhiên thực tế tại rất nhiều trường đại học quốc tế cho thấy việc ứng dụng và triển khai đào tạo kiến thức thông tin cho sinh viên trong môi trường học thuật bậc đại học lại chủ yếu thuộc về trách nhiệm của các cơ quan TT-TV trường. Một trong những lý do đơn giản lý giải cho nhận định này đó là giáo dục kiến thức thông tin cho sinh viên là quá trình hướng dẫn họ cách thức khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên trong và ngoài thư viện. Hơn thế, mục tiêu sau cùng là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu hiện tại cũng như quá trình học tập suốt đời sau này.

3. Thư viện và công tác giáo dục kiến thức thông tin

Giáo dục kiến thức thông tin nên được coi là một trong những công tác trọng tâm tại các thư viện trường đại học (Johnston & Webber, 2003). Thực hiện tốt công tác này đồng nghĩa với việc thư viện đã thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục của mình, đồng thời thu hút đông đảo hơn số lượng người dùng tin đến thư viện, quảng bá hình ảnh của thư viện trong môi trường đại học nói riêng và xã hội nói chung.

Giáo dục kiến thức thông tin tức là thư viện trường đại học đang thực hiện nhiệm vụ giáo dục

Một trong những nhiệm vụ cơ bản của thư viện nói chung và thư viện trường đại học nói riêng là nhiệm vụ giáo dục và giáo dục kiến thức thông tin đóng vai trò cốt lõi của hoạt động này. Giáo dục kiến thức thông tin cần được thực hiện định kỳ theo một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo cho người dùng tin của thư viện, cụ thể ở đây là các khóa, các lớp sinh viên đều được trang bị đủ kiến thức thông tin và ứng dụng hiệu quả vào việc học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Dưới góc độ nội dung đào tạo về kiến thức thông tin của các cán bộ thư viện trường đại học, có thể chia kiến thức thông tin thành ba cấp độ như sau:

- Cấp độ thứ nhất là việc sử dụng các dịch vụ thông tin, sản phẩm thông tin và các cơ sở dữ liệu được cung cấp hoặc giới thiệu bởi thư viện.
- Cấp độ thứ hai là khả năng khai thác thông tin hiệu quả. Khai thác thông tin là hoạt động con người thực hiện hàng ngày trong học tập cũng như trong nghiên cứu. Song làm thế nào để khai thác thông tin hiệu quả thì không phải ai cũng ý thức rõ về điều này. Trước đây, nhiều người vẫn nghĩ sự thỏa mãn của của người dùng tin là thước đo cho tính hiệu quả của việc sử dụng thông tin. Tuy nhiên trên

thực tế, đôi khi sự thỏa mãn của người dùng tin chưa phải là hiệu quả cao nhất mà quá trình khai thác thông tin đem lại. Vì thế, mục đích hướng đến sau cùng của việc khai thác thông tin là mức độ thỏa mãn của các nhu cầu tin cụ thể.

- Cấp độ thứ ba là rèn luyện thành kỹ năng tự học suốt đời. Trong quá trình đào tạo các kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin, ngoài việc trang bị những nội dung cần thiết phục vụ ngay cho việc học tập và nghiên cứu của sinh viên trong quá trình học đại học tại trường, việc tạo ra thói quen sử dụng thông tin đúng cách, chủ động và độc lập là tiền đề cho việc học tập và nghiên cứu suốt đời sau này của sinh viên.

Một trong những thành quả cần được thể hiện rõ trong và sau quá trình đào tạo kiến thức thông tin cho sinh viên là sức lan tỏa về kiến thức và thói quen khai thác thông tin cũng như các dịch vụ và sản phẩm thông tin của thư viện. Điều này giúp cho sinh viên trong môi trường đại học hình thành thói quen học tập, nghiên cứu bài bản và dựa trên các cơ sở khoa học.

Kiến thức thông tin giúp cho sinh viên khai thác và sử dụng thông tin hiệu quả

Các thư viện trường đại học cần ý thức được rằng, mục tiêu hướng đến của họ không chỉ là đáp ứng nhu cầu tin của sinh viên mà còn là hướng dẫn, định hướng để họ sử dụng thông tin hiệu quả. Như đã đề cập đến ở phần "các cấp độ kiến thức thông tin", đôi khi chính người sử dụng thông tin không ý thức chính xác được rằng việc khai thác và sử dụng thông tin của mình đã thực sự hiệu quả hay chưa và hiệu quả đến mức nào. Kiến thức thông tin được trang bị bởi thư viện sẽ giúp cho họ có thể tự chủ trong việc khai thác và tìm kiếm thông tin, đặc biệt họ có thể tự đánh giá tốt hơn hiệu quả của quá trình khai thác và sử dụng thông tin mà họ đã thực hiện.

Đây là một trong những hình thức quảng bá hình ảnh thư viện và cuốn hút sinh viên đến thư viện.

Công tác giáo dục kiến thức thông tin được tổ chức ngoài mục đích trang bị kiến thức và kỹ năng thông tin cho sinh viên, đây còn là hình thức thư viện quảng bá hình ảnh đến cộng đồng bạn đọc của mình. Một khi tham gia theo học và tiếp nhận được những kiến thức và kỹ năng thực sự thiết thực và hiệu quả cho việc sử dụng thông tin trong hoạt động học tập và nghiên cứu của mình, sinh viên sẽ có sự đánh giá tích cực về công tác giáo dục của thư viện và những đánh giá như thế sẽ dễ dàng lan tỏa đối với sinh viên trong và thậm chí là ngoài trường. Hình ảnh thư viện cũng vì thế mà được biết đến nhiều hơn, trên phạm vi rộng hơn, và được đánh giá cao hơn. Mặt khác chính những hiệu quả mà hoạt động đào tạo về kiến thức thông tin mang lại sẽ trở thành những nhân tố chính thu hút sinh viên đến với thư viện ngày một nhiều hơn.

4. Nội dung kiến thức thông tin cần trang bị

Nội dung và kỹ năng của kiến thức thông tin vốn rất đa dạng và phong phú, ngoài ra việc ứng dụng các nội dung này còn tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của các cá nhân và tổ chức, vì thế phần này của bài viết chỉ đề cập đến những nội dung cơ bản của kiến thức thông tin cần được đào tạo cho sinh viên dựa trên bảy khía cạnh của việc học tập gắn liền với sử dụng thông tin. Đây chính là kết quả nghiên cứu của Bruce được công bố vào năm 1997.

4.1 Sử dụng công nghệ để giao tiếp và cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên môn

Khía cạnh này muốn nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của các công nghệ truyền thông trong quá trình học tập và nghiên cứu. Những công nghệ này bao gồm máy tính và các công nghệ khác như

công nghệ không dây và công nghệ di động. Đây là những nhân tố giúp cho sinh viên có khả năng truy cập và khai thác các mạng thông tin – truyền thông cũng như cung cấp các ứng dụng cần thiết cho việc tìm kiếm và giao tiếp thông tin. Mục tiêu chính của việc ứng dụng công nghệ ở đây là biến thông tin trở thành sự hiểu biết và khuyến khích trao đổi, giao tiếp. Đặc biệt, việc hướng sự tập trung của sinh viên vào việc sử dụng công nghệ thông tin để giao tiếp và rà soát thông tin là hết sức quan trọng.

4.2 Xác định các nguồn tin đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu

Với khía cạnh này, các nguồn tin đóng vai trò cốt yếu. Trong quá trình học tập và nghiên cứu, sinh viên cần phải xác định và tập trung vào nhiều nguồn tin khác nhau mà họ có thể tiếp cận và khai thác được. Đặc biệt, họ cần phải ý thức rõ sự phù hợp giữa nhu cầu tin của mình với các nguồn tin này và cách khai thác chúng một cách hiệu quả.

Trong quá trình đào tạo sinh viên về kỹ năng này, điều cần thiết là hướng sự tập trung của họ vào việc tiếp cận các loại nguồn tin khác nhau và được tư vấn bởi nhiều chuyên gia thông tin khác nhau. Và đây sẽ là cơ sở để họ có được kinh nghiệm làm việc với các chuyên gia thông tin và học hỏi nhiều từ những chuyên gia này.

4.3 Học tập và rút ra kinh nghiệm thông qua việc tập trung vào quá trình xử lý thông tin

Quá trình thông tin và kinh nghiệm rút ra từ việc tham gia trực tiếp và các quá trình là tâm điểm của khía cạnh này. Thông qua quá trình khai thác, xử lý và ứng dụng thông tin cho việc học tập và nghiên cứu của mình, sinh viên có thể lựa chọn những quá trình thông tin phù hợp mà mình yêu thích. Từ đây, họ có thể rút ra những bài học kinh nghiệm về kiến thức và kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin sau mỗi quá trình. Cơ bản, những quá trình này

thường gắn liền với nhu cầu giải quyết vấn đề hoặc đưa ra các quyết định.

Khi hướng dẫn sinh viên, cần phải giúp họ có thể tiếp cận thông tin với nhiều quan điểm khác nhau. Họ cần phải ý thức được các quá trình thông tin mà họ sử dụng và những quá trình nào thích hợp đối với họ.

4.4 Kết nối giữa thông tin với nhu cầu trong học tập và nghiên cứu

Kiểm soát thông tin là tâm điểm của khía cạnh này. Thông thường, những mục tiêu mà sinh viên cần phải có thông tin để đạt có ảnh hưởng nhất định đến kinh nghiệm của họ trong việc kiểm soát thông tin. Những yêu cầu trong việc học tập, nghiên cứu, những vấn đề họ đang vướng mắc, những hoạt động mà họ đang thực hiện hoặc những người mà họ tiếp xúc trong cuộc sống hàng ngày đều có thể trở thành tác nhân ảnh hưởng đến việc xử lý và kiểm soát thông tin của họ.

Khi đào tạo sinh viên về khía cạnh này, cần phải định hướng cho họ khả năng kiểm soát thông tin khi tiếp cận với các nguồn tin. Điều quan trọng là giúp họ nhận biết được sự liên kết giữa những thông tin họ có thể tìm thấy và yêu cầu cụ thể của việc học tập và nghiên cứu.

4.5 Xây dựng kiến thức dựa trên một lĩnh vực yêu thích mới

Khía cạnh này tập trung vào việc phân tích bản chất quá trình tiếp nhận thông tin làm chiến lược quan trọng trong quá trình sử dụng thông tin và nắm vững những thông tin ấy. Sinh viên có thể cân nhắc kiến thức thu lượm được với quan điểm chủ quan chứ không phải là khách quan thuộc về bất kỳ chủ đề nào dựa trên việc đọc và tìm hiểu bản chất của các nguồn tài nguyên liên quan.

Điều quan trọng là giúp cho sinh viên nắm được các quan điểm khác nhau khi họ tiếp cận với thông tin, để rồi họ có thể tự xác định và tìm ra được nguồn tin mà họ yêu thích.

4.6 Kiến thức thông tin giúp ta mở rộng tri thức

Vai trò của trực giác được coi là yếu tố trung tâm của khía cạnh này trong quá trình khai thác và sử dụng thông tin của sinh viên. Khi ứng dụng khía cạnh này, sinh viên sẽ làm việc dựa trên nền tảng tri thức tổng hợp bao gồm kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm riêng của mình. Về cơ bản, dựa trên nền tảng kiến thức cá nhân thu được qua quá trình đọc sâu và rộng cùng với những kinh nghiệm cá nhân, sinh viên có thể có được những hiểu biết hoặc trực giác mới. Từ đó, những hiểu biết hay trực giác này có thể sẽ phát triển thành tri thức hoặc giúp họ giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Khi giáo dục cho sinh viên về vấn đề này, sinh viên cần phải được khuyến khích rút ra hoặc đúc rút kinh nghiệm dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết cá nhân.

4.7 Sử dụng thông tin một cách khôn ngoan để đem đến lợi ích cho những người xung quanh

Sử dụng thông tin một cách khôn ngoan có thể diễn ra trong nhiều bối cảnh khác nhau, ví dụ như trong quá trình đánh giá, ra quyết định, hoặc tập, hoặc làm nghiên cứu. Cụ thể, sử dụng thông tin khéo léo thể hiện ở sự nhận biết chính xác thông tin và công nghệ thông tin, ý thức được rằng làm thế nào để ứng dụng và áp dụng chúng một cách hợp lý và chủ động. Trên cơ sở nhận thức được điều này, sinh viên mới có thể nhận ra rằng họ nên sử dụng thông tin mang đến lợi ích cho nhiều người xung quanh như bạn bè, người thân trong gia đình hoặc các đối tác ngoài xã hội. Cần giúp cho sinh viên cần ý thức được thái độ, giá trị và niềm tin của bản thân để từ đó thực hiện được các trách nhiệm xã hội.

5. Lời kết

Kiến thức thông tin không chỉ đóng vai trò then chốt đối với sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường đại học mà còn ảnh hưởng đáng kể đến khả năng học tập suốt đời của mỗi sinh viên. Việc trang bị kiến thức thông tin cho họ ngay từ những ngày đầu nhập học là hết sức cần thiết. Có thể có rất nhiều đơn vị trong trường đại học tham gia vào công tác đào tạo kiến thức thông tin này, tuy nhiên vai trò lớn nhất vẫn thuộc về thư viện của các trường đại học. Ý thức rõ và thực hiện tốt được điều này đang là một trong những thử thách lớn đối với các thư viện trường đại học trong bối cảnh hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andretta, S. (2008, in press). Facilitating Information Literacy Education (FILE). In A. Brine (Ed.), *Handbook of library training practice and development*, vol. 3. Aldershot: Gower Publishing Ltd.
2. Bruce, C. (1997). *The Seven faces of information literacy*. Blackwood, South Australia: Auslib Press.
3. Bruce, C. (2003). Seven Faces of Information Literacy: Towards inviting students into new experiences. Truy cập vào ngày 24/10/2011 tại <http://www.bestlibrary.org/digital/files/bruce.pdf>
4. Johnston, B. & Webber, S. (2003). Information literacy in higher education: a review and case study. *Studies in Higher Education*, 28(3), 335-352.
5. Zurkowski, P. G. (1974). The information Service Environment: Relationships and Priorities. Truy cập vào ngày 15/10/2010 tại http://www.eric.ed.gov/ERICDocs/data/ericdocs2sql/content_storage_01/0000019b/80/36/a8/87.pdf